



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày ký: 04-01-2024 10:47:51
+07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9102/QĐ-UBND-TCKH

Hóc Môn, ngày 25 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán thu, chi năm 2024
cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu thu - chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn Khóa XI, tại kỳ họp thứ Mười về việc phê chuẩn dự toán thu - chi, phân bổ ngân sách huyện năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4086/QĐ-UBND-TCKH ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc giao quyền tự chủ tài



chính giai đoạn 2023 – 2025 cho các trường Trung học cơ sở và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 4122/QĐ-UBND-TCKH ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 – 2025 cho các trường thuộc khối Tiểu học trên địa bàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 4323/QĐ-UBND-TCKH ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 – 2025 cho các trường Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 8715/QĐ-UBND-TCKH ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2024 – 2025 cho Trường Mầm non Cúc Họa Mi;

Căn cứ Quyết định số 9000/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 7788/TTr-TCKH ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc giao dự toán thu, chi năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc huyện, cụ thể như sau:

1. Tổng số thu tại các đơn vị, số tiền: 326.413.561.000 đồng.
2. Tổng số thu được để lại chi, số tiền: 326.413.561.000 đồng.
3. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp năm 2024, **số tiền: 994.010.310.767 đồng (Chín trăm chín mươi bốn tỷ không trăm mười triệu ba trăm mười nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng)**, gồm:
 - Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ): 576.470.235.716 đồng;
 - Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND và tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP (kinh phí tự chủ, nguồn cải cách tiền lương), số tiền: 407.240.075.051 đồng;
 - Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ), số tiền: 10.300.000.000 đồng.

(Chi tiết các đơn vị theo biểu đính kèm).

Điều 2. Giao Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc huyện

Căn cứ vào phân loại đơn vị sự nghiệp và kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm tổ chức thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định.

Căn cứ dự toán chi ngân sách cấp, các đơn vị sự nghiệp giáo dục tiếp tục thực hiện chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2024 từ các nguồn sau:

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2023 còn dư chuyển sang năm 2024;

- Thực hiện trích lập đủ 40% số thu học phí trong năm 2024 để tạo nguồn cải cách tiền lương; từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hóc Môn và Thủ trưởng các đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

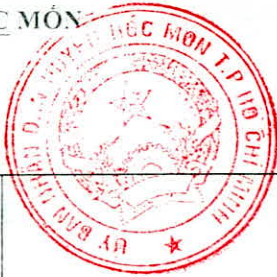
Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- CT.UBND huyện;
- VP.HĐND-UBND: CVP;
- Lưu: VT, P.TCKH (4b,Thành). 



CHỦ TỊCH

Đương Hồng Thắng



DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024 KHỎI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC

(Đính kèm Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã QHNS	TÊN ĐƠN VỊ	Chi từ nguồn thu để lại tại đơn vị			Kinh phí ngân sách cấp			Tổng cộng kinh phí chi thường xuyên ngân sách cấp	Tổng cộng kinh phí giao
			Tổng chi nguồn thu để lại tại đơn vị	Trong đó		Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ, nguồn 13)	Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND và chi tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ- CP (kinh phí tự chủ, nguồn 14)	Kinh phí chi khen thưởng và chi khác (kinh phí không tự chủ, nguồn 12)		
				Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định	Chi nộp ngân sách					
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5	6	7=4+5+6	8=1+7
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V)		326.413.561.000	322.814.386.000	3.599.175.000	576.470.235.716	407.240.075.051	10.300.000.000	994.010.310.767	1.320.423.871.767
I	KHỎI MAM NON (KHOAN 071)		52.885.350.000	52.885.350.000	0	140.038.747.114	78.562.608.881	2.000.000.000	220.601.355.995	273.486.705.995
1	1030030	- MN Tân Hòa	2.470.350.000	2.470.350.000	0	6.348.131.493	3.626.411.346	100.000.000	10.074.542.839	12.544.892.839
2	1080923	- MN Tân Hiệp	2.124.080.000	2.124.080.000	0	5.563.051.787	3.240.801.331	100.000.000	8.903.853.118	11.027.933.118
3	1068131	- MN Nhị Xuân	1.819.215.000	1.819.215.000	0	6.084.435.382	3.256.407.947	100.000.000	9.440.843.329	11.260.058.329
4	1068133	- MN Bể Ngoan	2.726.810.000	2.726.810.000	0	8.179.035.259	4.834.892.833	100.000.000	13.113.928.092	15.840.738.092
5	1068134	- MN Sơn Ca	2.825.260.000	2.825.260.000	0	7.824.388.990	4.030.210.172	100.000.000	11.954.599.162	14.779.859.162
6	1068126	- MN Bà Điểm	2.202.500.000	2.202.500.000	0	6.645.541.076	3.483.400.534	100.000.000	10.228.941.610	12.431.441.610
7	1044707	- MN Bông Sen	8.137.325.000	8.137.325.000	0	7.961.481.200	4.465.734.435	100.000.000	12.527.215.635	20.664.540.635
8	1044705	- MN Hướng Dương	2.201.150.000	2.201.150.000	0	8.850.683.532	5.224.499.718	100.000.000	14.175.183.250	16.376.333.250
9	1044706	- MN Tân Xuân	2.159.485.000	2.159.485.000	0	8.107.143.953	4.483.725.994	100.000.000	12.690.869.947	14.850.354.947
10	1044708	- MN 23/11	1.314.580.000	1.314.580.000	0	7.563.294.624	4.905.119.564	100.000.000	12.568.414.188	13.882.994.188
11	1069480	- MN 2/9	3.102.300.000	3.102.300.000	0	8.721.871.161	4.960.051.097	100.000.000	13.781.922.258	16.884.222.258
12	1069698	- MN 19/8	3.291.900.000	3.291.900.000	0	8.469.563.484	4.710.849.715	100.000.000	13.280.413.199	16.572.313.199
13	1069644	- MG Bể Ngoan 1	2.304.185.000	2.304.185.000	0	6.053.600.498	3.908.085.438	100.000.000	10.061.685.936	12.365.870.936
14	1069645	- MN Bể Ngoan 3	3.676.430.000	3.676.430.000	0	9.692.305.177	5.026.859.052	100.000.000	14.819.164.229	18.495.594.229
15	1069647	- MG Bông Sen 1	1.117.500.000	1.117.500.000	0	3.910.591.312	2.228.047.329	100.000.000	6.238.638.641	7.356.138.641
16	1068130	- MN Sơn Ca 3	1.819.885.000	1.819.885.000	0	5.348.581.893	2.754.614.769	100.000.000	8.203.196.662	10.023.081.662
17	1114967	- MN Xuân Thới Đông	2.966.700.000	2.966.700.000	0	8.019.371.467	4.499.828.851	100.000.000	12.619.200.318	15.585.900.318
18	1129230	- MN Xuân Thới Thượng	2.171.700.000	2.171.700.000	0	7.579.894.817	3.933.062.642	100.000.000	11.612.957.459	13.784.657.459
19	1130499	- MN Mỹ Hòa	3.290.225.000	3.290.225.000	0	6.144.340.118	3.728.383.447	100.000.000	9.972.723.565	13.262.948.565
20	1132785	- MN Cúc Học Mi	1.163.770.000	1.163.770.000	0	2.971.439.891	1.261.622.667	100.000.000	4.333.062.558	5.496.832.558
II	KHỎI TIÊU HỌC (KHOAN 072)		160.019.253.000	158.724.978.000	1.294.275.000	246.816.159.097	183.767.984.604	2.600.000.000	433.184.143.701	593.203.396.701
1	1044447	Nguyễn An Ninh	16.723.334.000	16.639.000.000	84.334.000	11.043.700.408	8.591.560.644	100.000.000	19.735.261.052	36.458.595.052
2	1044449	Thới Tam	6.046.296.000	5.982.296.000	64.000.000	9.874.009.105	7.794.568.927	100.000.000	17.768.578.032	23.814.874.032
3	1044446	Tam Đông	5.739.080.000	5.694.080.000	45.000.000	8.385.992.213	6.343.837.144	100.000.000	14.829.829.357	20.568.909.357
4	1051124	Tam Đông 2	6.171.200.000	6.051.200.000	120.000.000	12.336.665.049	9.141.071.018	100.000.000	21.577.736.067	27.748.936.067
5	1051121	Mỹ Huệ	3.612.440.000	3.612.440.000	0	6.633.559.093	5.313.540.100	100.000.000	12.047.099.193	15.659.539.193
6	1051123	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	2.389.790.000	2.389.790.000	0	5.349.008.591	4.381.435.560	100.000.000	9.830.444.151	12.220.234.151
7	1051116	Mỹ Hòa	6.847.880.000	6.847.880.000	0	8.550.261.611	6.249.159.787	100.000.000	14.899.421.398	21.747.301.398
8	1066083	Áp Đình	5.771.696.000	5.706.696.000	65.000.000	9.093.315.796	7.091.386.325	100.000.000	16.284.702.121	22.056.398.121

STT	Mã QHNS	TÊN ĐƠN VỊ	Chi từ nguồn thu để lại tại đơn vị			Kinh phí ngân sách cấp			Tổng cộng kinh phí chi thường xuyên ngân sách cấp	Tổng cộng kinh phí giao
			Tổng chi nguồn thu để lại tại đơn vị	Trong đó		Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ, nguồn 13)	Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND và chi tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP (kinh phí tự chủ, nguồn 14)	Kinh phí chi khen thưởng và chi khác (kinh phí không tự chủ, nguồn 12)		
				Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định	Chi nộp ngân sách					
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5	6	7=4+5+6	8=1+7
9	1066084	Tân Hiệp	555.720.000	555.720.000	0	4.715.867.376	3.826.749.197	100.000.000	8.642.616.573	9.198.336.573
10	1066079	Cầu Xáng	2.142.901.000	2.105.560.000	37.341.000	4.751.615.584	3.807.972.868	100.000.000	8.659.588.452	10.802.489.452
11	1070230	Tây Bắc Lân	9.718.700.000	9.543.600.000	175.100.000	15.731.709.146	11.132.142.507	100.000.000	26.963.851.653	36.682.551.653
12	1070223	Lý Chính Thắng 2	4.388.444.000	4.350.944.000	37.500.000	8.366.196.585	6.539.370.612	100.000.000	15.005.567.197	19.394.011.197
13	1070224	Nhị Tân	3.689.760.000	3.689.760.000	0	4.776.275.884	3.631.239.325	100.000.000	8.507.515.209	12.197.275.209
14	1012081	Ngã Ba Giồng	8.503.304.000	8.413.304.000	90.000.000	10.861.931.376	7.659.182.064	100.000.000	18.621.113.440	27.124.417.440
15	1012073	Hoàng Hoa Thám	5.175.240.000	5.175.240.000	0	13.533.385.237	10.564.704.616	100.000.000	24.198.089.853	29.373.329.853
16	1012132	Thới Thạnh	6.077.600.000	6.077.600.000	0	7.404.306.528	4.953.728.790	100.000.000	12.458.035.318	18.535.635.318
17	1012134	Dương Công Khi	5.323.400.000	5.243.400.000	80.000.000	11.872.886.099	8.902.375.471	100.000.000	20.875.261.570	26.198.661.570
18	1072948	Võ Văn Thặng	6.078.776.000	6.038.276.000	40.500.000	8.672.873.487	6.353.284.901	100.000.000	15.126.158.388	21.204.934.388
19	1072950	Bùi Văn Ngừ	10.393.840.000	10.323.840.000	70.000.000	13.777.436.902	9.699.182.468	100.000.000	23.576.619.370	33.970.459.370
20	1072943	Trương Văn Ngải	4.173.416.000	4.123.416.000	50.000.000	8.339.557.460	6.984.148.999	100.000.000	15.423.706.459	19.597.122.459
21	1072944	Nhị Xuân	5.170.480.000	5.170.480.000	0	7.979.828.606	5.856.535.396	100.000.000	13.936.364.002	19.106.844.002
22	1072938	Xuân Thới Thượng	3.959.600.000	3.831.600.000	128.000.000	12.618.194.732	9.025.538.310	100.000.000	21.743.733.042	25.703.333.042
23	1018350	Tân Xuân	4.526.256.000	4.526.256.000	0	9.314.597.390	6.655.288.826	100.000.000	16.069.886.216	20.596.142.216
24	1037371	Trần Văn Mười	5.413.900.000	5.326.400.000	87.500.000	11.190.306.986	7.911.715.853	100.000.000	19.202.022.839	24.615.922.839
25	1086070	Trần Văn Danh	8.765.400.000	8.685.400.000	80.000.000	12.050.738.349	8.780.405.713	100.000.000	20.931.144.062	29.696.544.062
26	1120756	Nguyễn Thị Núi	12.660.800.000	12.620.800.000	40.000.000	9.591.939.504	6.577.859.183	100.000.000	16.269.798.687	28.930.598.687
III	KHỎI THCS (KHOẢN 073)		108.830.126.000	106.660.226.000	2.169.900.000	183.990.505.020	140.925.875.378	1.600.000.000	326.516.380.398	435.346.506.398
1	1035852	Nguyễn An Khương	23.267.904.000	23.174.704.000	93.200.000	11.419.283.336	9.927.976.422	100.000.000	21.447.259.758	44.715.163.758
2	1035853	Thị Trăn	2.205.063.000	2.115.063.000	90.000.000	4.370.105.863	3.584.381.279	100.000.000	8.054.487.142	10.259.550.142
3	1035854	Tam Đông 1	4.800.976.000	4.700.976.000	100.000.000	11.481.167.680	9.030.638.209	100.000.000	20.611.805.889	25.412.781.889
4	1035850	Lý Chính Thắng 1	6.976.872.000	6.871.272.000	105.600.000	10.972.441.869	8.957.421.608	100.000.000	20.029.863.477	27.006.735.477
5	1035848	Trung Mỹ Tây 1	5.741.400.000	5.561.400.000	180.000.000	15.667.846.134	11.965.632.295	100.000.000	27.733.478.429	33.474.878.429
6	1035849	Đông Thạnh	7.483.391.000	7.278.091.000	205.300.000	16.727.251.735	12.702.985.749	100.000.000	29.530.237.484	37.013.628.484
7	1035851	Nguyễn Hồng Đào	7.051.036.000	6.963.036.000	88.000.000	12.318.950.038	9.280.604.799	100.000.000	21.699.554.837	28.750.590.837
8	1035847	Đặng Công Bình	5.101.400.000	4.977.400.000	124.000.000	9.226.237.384	6.896.698.952	100.000.000	16.222.936.336	21.324.336.336
9	1035774	Phan Công Hớn	2.578.850.000	2.333.850.000	245.000.000	13.470.502.435	10.730.198.603	100.000.000	24.300.701.038	26.879.551.038
10	1035773	Đỗ Văn Dậy	6.606.856.000	6.514.056.000	92.800.000	9.625.847.027	7.401.147.253	100.000.000	17.126.994.280	23.733.850.280
11	1035775	Tân Xuân	6.148.000.000	6.043.000.000	105.000.000	12.679.646.475	9.978.946.120	100.000.000	22.758.592.595	28.906.592.595
12	1035771	Xuân Thới Thượng	7.614.168.000	7.374.168.000	240.000.000	15.958.418.142	12.095.204.260	100.000.000	28.153.622.402	35.767.790.402
13	1114902	Tô Ký	2.913.700.000	2.725.700.000	188.000.000	14.694.661.691	11.477.125.388	100.000.000	26.271.787.079	29.185.487.079
14	1129253	Nguyễn Văn Bứa	7.962.370.000	7.827.370.000	135.000.000	10.196.613.797	6.784.985.587	100.000.000	17.081.599.384	25.043.969.384
15	1130533	Đặng Thúc Vĩnh	4.114.960.000	4.026.960.000	88.000.000	8.691.910.106	5.757.546.568	100.000.000	14.549.456.674	18.664.416.674
16	1131337	Bùi Văn Thủ	8.263.180.000	8.173.180.000	90.000.000	6.489.621.308	4.354.382.286	100.000.000	10.944.003.594	19.207.183.594
IV	ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC (KHOẢN 075)		4.678.832.000	4.543.832.000	135.000.000	5.624.824.485	3.983.606.188	100.000.000	9.708.430.673	14.387.262.673
1	1128388	TT GDNN - GDTX	4.678.832.000	4.543.832.000	135.000.000	5.624.824.485	3.983.606.188	100.000.000	9.708.430.673	14.387.262.673
V	1006692	PHÒNG GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO	0	0	0	0	0	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non Tân Hòa

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1030030

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.470.350.000
Thu sự nghiệp			2.470.350.000
-Nguồn Học phí NT			436.500.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			655.650.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			288.000.000
-Nguồn Thẻ dự nhp điều mầm non			175.500.000
-Nguồn Anh văn mầm non			216.000.000
-Nguồn Học vẽ			135.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			108.100.000
-Toán tư duy			180.000.000
- Nuôi dạy trẻ mầm non trong hè			200.000.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			75.600.000
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			2.470.350.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.290.884.400
-Nguồn Học phí			257.034.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			655.650.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			288.000.000
-Nguồn Thẻ dự nhp điều mầm non			175.500.000
-Nguồn Anh văn mầm non			216.000.000
-Nguồn Học vẽ			135.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			108.100.000
-Toán tư duy			180.000.000
- Nuôi dạy trẻ mầm non trong hè			200.000.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			75.600.000
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			179.465.600
- Nguồn thu học phí (40%)			179.465.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		10.074.542.839
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		10.074.542.839
1. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			9.974.542.839
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	6.348.131.493
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	3.626.411.346
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			33.840.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non Tân Hiệp

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1080923

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.124.080.000
Thu sự nghiệp			2.124.080.000
-Nguồn Học phí			333.000.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			502.200.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			244.800.000
-Nguồn Thẻ dực nhíp điều mầm non			143.640.000
-Nguồn Anh văn mầm non			201.600.000
-Nguồn Học vẽ			143.640.000
- Nguồn học hè			198.000.000
- Nguồn kỳ năng sống			151.200.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			82.800.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			123.200.000
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			2.124.080.000
I. Thu sự nghiệp và t thu dịch vụ			1.986.014.400
-Nguồn Học phí			194.934.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			502.200.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			244.800.000
-Nguồn Thẻ dực nhíp điều mầm non			143.640.000
-Nguồn Anh văn mầm non			201.600.000
-Nguồn Học vẽ			143.640.000
- Nguồn học hè			198.000.000
- Nguồn kỳ năng sống			151.200.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			82.800.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			123.200.000
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			138.065.600
- Nguồn thu học phí (40%)			138.065.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		8.903.853.118
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		8.903.853.118
1. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			8.803.853.118
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	5.563.051.787
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	3.240.801.331
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			25.920.000

Handwritten signature and blue checkmark.

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non Nhị Xuân

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1068131

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị: đồng

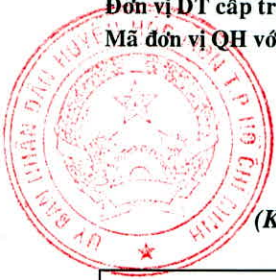
Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.819.215.000
Thu sự nghiệp			1.819.215.000
-Nguồn Học phí			358.200.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			545.445.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			266.400.000
-Nguồn Thẻ đục nhíp điều dưỡng mầm non			156.000.000
-Nguồn Anh văn mầm non			192.000.000
- Nguồn học hè			136.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			89.930.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			75.240.000
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			1.819.215.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.671.069.400
-Nguồn Học phí			210.054.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			545.445.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			266.400.000
-Nguồn Thẻ đục nhíp điều dưỡng mầm non			156.000.000
-Nguồn Anh văn mầm non			192.000.000
- Nguồn học hè			136.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			89.930.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			75.240.000
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			148.145.600
- Nguồn thu học phí (40%)			148.145.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		9.440.843.329
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		9.440.843.329
1. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			9.340.843.329
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	6.084.435.382
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	3.256.407.947
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			28.152.000

Handwritten signature and blue checkmark.

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non Bé Ngoan

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1068133

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.726.810.000
Thu sự nghiệp			2.726.810.000
-Nguồn Học phí			478.260.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			717.030.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			345.600.000
-Nguồn Thuế dịch nhíp điều mằm non			184.500.000
-Nguồn Anh văn mằm non			295.200.000
-Nguồn Học vẽ			180.000.000
- Nguồn học hè			408.000.000
- Nguồn kỹ năng sống			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			118.220.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			2.726.810.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.530.640.400
-Nguồn Học phí			282.090.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			717.030.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			345.600.000
-Nguồn Thuế dịch nhíp điều mằm non			184.500.000
-Nguồn Anh văn mằm non			295.200.000
-Nguồn Học vẽ			180.000.000
- Nguồn học hè			408.000.000
- Nguồn kỹ năng sống			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			118.220.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			196.169.600
- Nguồn thu học phí (40%)			196.169.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		13.113.928.092
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		13.113.928.092
1. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			13.013.928.092
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	8.179.035.259
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	4.834.892.833
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			37.008.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non Sơn Ca

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1068134

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.825.260.000
Thu sự nghiệp			2.825.260.000
-Nguồn Học phí			545.940.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			837.000.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			360.000.000
-Nguồn Thẻ dựnhip điều mầnon			176.000.000
-Nguồn Anh văn mầnon			256.000.000
-Nguồn Học vẽ			-
- Nguồn học hè			320.320.000
- Nguồn kỳ năng sống			192.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			138.000.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			2.825.260.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.602.018.400
-Nguồn Học phí			322.698.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			837.000.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			360.000.000
-Nguồn Thẻ dựnhip điều mầnon			176.000.000
-Nguồn Anh văn mầnon			256.000.000
-Nguồn Học vẽ			-
- Nguồn học hè			320.320.000
- Nguồn kỳ năng sống			192.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			138.000.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			223.241.600
- Nguồn thu học phí (40%)			223.241.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		11.954.599.162
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		11.954.599.162
1. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			11.854.599.162
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	7.824.388.990
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	4.030.210.172
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			28.800.000

Handwritten signature in blue ink.

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non Bà Điểm

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1068126

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.202.500.000
Thu sự nghiệp			2.202.500.000
-Nguồn Học phí			495.000.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			753.300.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			288.000.000
-Nguồn Thẻ dựnhip điều dưỡng mầm non			168.000.000
-Nguồn Anh văn mầm non			224.000.000
-Nguồn Học vẽ			-
- Nguồn học hè			150.000.000
- Nguồn kỹ năng sống			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			124.200.000
- Giữ trè ngoài giờ (thứ 7)			-
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			2.202.500.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.999.634.400
-Nguồn Học phí			292.134.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			753.300.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			288.000.000
-Nguồn Thẻ dựnhip điều dưỡng mầm non			168.000.000
-Nguồn Anh văn mầm non			224.000.000
-Nguồn Học vẽ			-
- Nguồn học hè			150.000.000
- Nguồn kỹ năng sống			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			124.200.000
- Giữ trè ngoài giờ (thứ 7)			-
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			202.865.600
- Nguồn thu học phí (40%)			202.865.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		10.228.941.610
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		10.228.941.610
1. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			10.128.941.610
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	6.645.541.076
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	3.483.400.534
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			38.880.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non Bông Sen

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1044707

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			8.137.325.000
Thu sự nghiệp			8.137.325.000
-Nguồn Học phí			585.900.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			878.850.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			453.600.000
-Nguồn Thẻ dực nhíp điều mầm non			151.200.000
-Nguồn Anh văn với người nước ngoài			1.464.750.000
-Nguồn Học vẽ			157.500.000
- Cơ sở vật chất mô hình tiên tiến			1.085.175.000
- 10 môn phối hợp (Gokit)			2.060.100.000
- Bale			194.400.000
- Võ thuật			137.700.000
- Toán tư duy			283.500.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			144.900.000
- Kỹ năng sống			267.750.000
- Nười dạy trẻ trong hè			272.000.000
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			8.137.325.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			7.898.099.400
-Nguồn Học phí			346.674.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			878.850.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			453.600.000
-Nguồn Thẻ dực nhíp điều mầm non			151.200.000
-Nguồn Anh văn với người nước ngoài			1.464.750.000
-Nguồn Học vẽ			157.500.000
- Cơ sở vật chất mô hình tiên tiến			1.085.175.000
- 10 môn phối hợp (Gokit)			2.060.100.000
- Bale			194.400.000
- Võ thuật			137.700.000
- Toán tư duy			283.500.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			144.900.000
- Kỹ năng sống			267.750.000
- Nười dạy trẻ trong hè			272.000.000
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			239.225.600
- Nguồn thu học phí (40%)			239.225.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		12.527.215.635
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		12.527.215.635
1. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			12.427.215.635
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	7.961.481.200
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	4.465.734.435
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			45.360.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non Hường Dương

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1044705

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

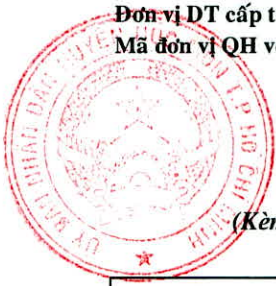
Đơn vị: đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.201.150.000
Thu sự nghiệp			2.201.150.000
-Nguồn Học phí			441.000.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			655.650.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			338.400.000
-Nguồn Thẻ dục nhịp điệu mầm non			157.500.000
-Nguồn Anh văn mầm non			180.000.000
-Nguồn Học vẽ			112.500.000
- Nguồn học hè			136.000.000
- Toán tư duy			72.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			108.100.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			2.201.150.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.019.884.400
-Nguồn Học phí			259.734.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			655.650.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			338.400.000
-Nguồn Thẻ dục nhịp điệu mầm non			157.500.000
-Nguồn Anh văn mầm non			180.000.000
-Nguồn Học vẽ			112.500.000
- Nguồn học hè			136.000.000
- Toán tư duy			72.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			108.100.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			181.265.600
- Nguồn thu học phí (40%)			181.265.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		14.175.183.250
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		14.175.183.250
1. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			14.075.183.250
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	8.850.683.532
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	5.224.499.718
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			33.840.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non Tân Xuân

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1044706

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.159.485.000
Thu sự nghiệp			2.159.485.000
-Nguồn Học phí			412.920.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			617.985.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			283.680.000
-Nguồn Thẻ dực nhp điều măm non			196.560.000
-Nguồn Anh văn măm non			208.000.000
-Nguồn Học vẽ			148.050.000
- Nguồn học hè			190.400.000
- Toán tư duy			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			101.890.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			2.159.485.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.989.451.400
-Nguồn Học phí			242.886.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			617.985.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			283.680.000
-Nguồn Thẻ dực nhp điều măm non			196.560.000
-Nguồn Anh văn măm non			208.000.000
-Nguồn Học vẽ			148.050.000
- Nguồn học hè			190.400.000
- Toán tư duy			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			101.890.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			170.033.600
- Nguồn thu học phí (40%)			170.033.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		12.690.869.947
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		12.690.869.947
1. Kinh phí chủ sự nghiệp giáo dục			12.590.869.947
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	8.107.143.953
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	4.483.725.994
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			31.896.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non 23-11

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1044708

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.314.580.000
Thu sự nghiệp			1.314.580.000
-Nguồn Học phí			229.140.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			343.170.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			177.120.000
-Nguồn Thẻ dựnch nhậpdieutưmầmnon			97.470.000
-Nguồn Anh văn mầm non			121.600.000
-Nguồn Học vẽ			85.500.000
- Nguồn học hè			204.000.000
- Toán tư duy			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			56.580.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			1.314.580.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.218.058.400
-Nguồn Học phí			132.618.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			343.170.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			177.120.000
-Nguồn Thẻ dựnch nhậpdieutưmầmnon			97.470.000
-Nguồn Anh văn mầm non			121.600.000
-Nguồn Học vẽ			85.500.000
- Nguồn học hè			204.000.000
- Toán tư duy			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			56.580.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			96.521.600
- Nguồn thu học phí (40%)			96.521.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		12.568.414.188
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		12.568.414.188
1. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			12.468.414.188
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	7.563.294.624
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	4.905.119.564
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			17.712.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non 2-9

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1069480

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			3.102.300.000
Thu sự nghiệp			3.102.300.000
-Nguồn Học phí			555.300.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			837.000.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			432.000.000
-Nguồn Thẻ dựnch nhậđiều mắnon			270.000.000
-Nguồn Anh văn mắnon			360.000.000
-Nguồn Học vẽ			-
- Nguồn học hè			510.000.000
- Toán tư duy			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			138.000.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			3.102.300.000
I. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.875.314.400
-Nguồn Học phí			328.314.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			837.000.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			432.000.000
-Nguồn Thẻ dựnch nhậđiều mắnon			270.000.000
-Nguồn Anh văn mắnon			360.000.000
-Nguồn Học vẽ			-
- Nguồn học hè			510.000.000
- Toán tư duy			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			138.000.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			226.985.600
- Nguồn thu học phí (40%)			226.985.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		13.781.922.258
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		13.781.922.258
1. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			13.681.922.258
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	8.721.871.161
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	4.960.051.097
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			43.200.000

Handwritten signature in blue ink.

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm non 19-8

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1069698

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

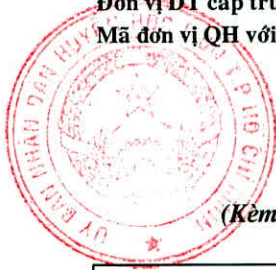
Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			3.291.900.000
Thu sự nghiệp			3.291.900.000
-Nguồn Học phí			576.000.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			864.900.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			360.000.000
-Nguồn Thẻ dực nhíp điều mầm non			156.000.000
-Nguồn Anh văn mầm non			192.000.000
-Nguồn Học vẽ			180.000.000
-Nguồn Học bale			128.000.000
- Nguồn học hè			408.000.000
- Toán tư duy			192.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			142.600.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			92.400.000
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			3.291.900.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			3.056.634.400
-Nguồn Học phí			340.734.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			864.900.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			360.000.000
-Nguồn Thẻ dực nhíp điều mầm non			156.000.000
-Nguồn Anh văn mầm non			192.000.000
-Nguồn Học vẽ			180.000.000
-Nguồn Học bale			128.000.000
- Nguồn học hè			408.000.000
- Toán tư duy			192.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			142.600.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			92.400.000
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			235.265.600
- Nguồn thu học phí (40%)			235.265.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		13.280.413.199
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		13.280.413.199
1. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			13.180.413.199
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	8.469.563.484
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	4.710.849.715
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			44.640.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mẫu Giáo Bé Ngoan 1

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1069644

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.304.185.000
Thu sự nghiệp			2.304.185.000
-Nguồn Học phí			414.360.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			623.565.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			302.400.000
-Nguồn Thẻ dực nhíp điều măm non			179.550.000
-Nguồn Anh văn măm non			252.000.000
-Nguồn Học vẽ			157.500.000
-Nguồn Học bale			-
- Nguồn học hè			272.000.000
- Toán tư duy			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			102.810.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			2.304.185.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.133.575.400
-Nguồn Học phí			243.750.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			623.565.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			302.400.000
-Nguồn Thẻ dực nhíp điều măm non			179.550.000
-Nguồn Anh văn măm non			252.000.000
-Nguồn Học vẽ			157.500.000
-Nguồn Học bale			-
- Nguồn học hè			272.000.000
- Toán tư duy			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			102.810.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			170.609.600
- Nguồn thu học phí (40%)			170.609.600*
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		10.061.685.936
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		10.061.685.936
I. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			9.961.685.936
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	6.053.600.498
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	3.908.085.438
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			32.184.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mẫu Giáo Bé Ngoan 3

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1069645

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			3.676.430.000
Thu sự nghiệp			3.676.430.000
-Nguồn Học phí			681.480.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			1.018.350.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			424.800.000
-Nguồn Thẻ dựn nhịp điệu mầm non			195.300.000
-Nguồn Anh văn mầm non			223.200.000
-Nguồn Học vẽ			135.000.000
-Nguồn kỹ năng sống			167.400.000
- Nguồn học hè			214.200.000
- Toán tư duy			180.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			167.900.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			268.800.000
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			3.676.430.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			3.398.972.400
-Nguồn Học phí			404.022.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			1.018.350.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			424.800.000
-Nguồn Thẻ dựn nhịp điệu mầm non			195.300.000
-Nguồn Anh văn mầm non			223.200.000
-Nguồn Học vẽ			135.000.000
-Nguồn kỹ năng sống			167.400.000
- Nguồn học hè			214.200.000
- Toán tư duy			180.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			167.900.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			268.800.000
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			277.457.600
- Nguồn thu học phí (40%)			277.457.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		14.819.164.229
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		14.819.164.229
1. Kinh phí chủ sự nghiệp giáo dục			14.719.164.229
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	9.692.305.177
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	5.026.859.052
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			52.560.000

Handwritten signature in blue ink.

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị ĐT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mẫu Giáo Bông Sen 1

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1069647

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.279.500.000
Thu sự nghiệp			1.279.500.000
-Nguồn Học phí			162.000.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			251.100.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			123.200.000
-Nguồn Thẻ dựnch nhậđiều mẵnon			91.000.000
-Nguồn Anh văn mẵnon			91.000.000
-Nguồn Học vẽ			112.000.000
-Nguồn kỹ năng sống			91.000.000
- Nguồn học hè			102.960.000
- Toán tư duy			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			41.400.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			213.840.000
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			1.279.500.000
I. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.191.474.400
-Nguồn Học phí			73.974.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			251.100.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			123.200.000
-Nguồn Thẻ dựnch nhậđiều mẵnon			91.000.000
-Nguồn Anh văn mẵnon			91.000.000
-Nguồn Học vẽ			112.000.000
-Nguồn kỹ năng sống			91.000.000
- Nguồn học hè			102.960.000
- Toán tư duy			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			41.400.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			213.840.000
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			88.025.600
- Nguồn thu học phí (40%)			88.025.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		6.238.638.641
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		6.238.638.641
I. Kinh phí chủ sự nghiệp giáo dục			6.138.638.641
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	3.910.591.312
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	2.228.047.329
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			12.960.000

Handwritten signature in blue ink.

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm non Sơn Ca 3

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1068130

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.671.165.000
Thu sự nghiệp			1.671.165.000
- Nguồn Học phí			307.620.000
- Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			470.115.000
- Nguồn Công phục vụ ăn sáng			194.400.000
- Nguồn Thẻ dựnhip điều mẵnon			136.800.000
- Nguồn Anh văn mẵnon			192.000.000
- Nguồn Học vẽ			-
- Nguồn kỹ năng sống			144.000.000
- Nguồn học hè			148.720.000
- Toán tư duy			-
- Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			77.510.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			1.671.165.000
I. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.543.251.400
- Nguồn Học phí			179.706.400
- Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			470.115.000
- Nguồn Công phục vụ ăn sáng			194.400.000
- Nguồn Thẻ dựnhip điều mẵnon			136.800.000
- Nguồn Anh văn mẵnon			192.000.000
- Nguồn Học vẽ			-
- Nguồn kỹ năng sống			144.000.000
- Nguồn học hè			148.720.000
- Toán tư duy			-
- Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			77.510.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			127.913.600
- Nguồn thu học phí (40%)			127.913.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		8.203.196.662
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		8.203.196.662
I. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			8.103.196.662
I.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	5.348.581.893
I.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	2.754.614.769
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			24.264.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non Xuân Thới Đông

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1114967

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			3.126.700.000
Thu sự nghiệp			3.126.700.000
-Nguồn Học phí			507.600.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			753.300.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			360.000.000
-Nguồn Thẻ dực nhíp điều mằm non			196.000.000
-Nguồn Anh văn mằm non			192.000.000
-Nguồn Học vẽ			100.000.000
-Nguồn kỳ năng sống			165.600.000
- Nguồn học hè			408.000.000
- Toán tư duy			160.000.000
- Giáo dục stem			160.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			124.200.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			3.126.700.000
1. Thu sự nghiệp và t hu dịch vụ			2.918.794.400
-Nguồn Học phí			299.694.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			753.300.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			360.000.000
-Nguồn Thẻ dực nhíp điều mằm non			196.000.000
-Nguồn Anh văn mằm non			192.000.000
-Nguồn Học vẽ			100.000.000
-Nguồn kỳ năng sống			165.600.000
- Nguồn học hè			408.000.000
- Toán tư duy			160.000.000
- Giáo dục stem			160.000.000
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			124.200.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			207.905.600
- Nguồn thu học phí (40%)			207.905.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		12.619.200.318
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		12.619.200.318
I. Kinh phí chủ sự nghiệp giáo dục			12.519.200.318
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	8.019.371.467
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	4.499.828.851
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-

D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.	38.880.000
---	------------

Handwritten signature and blue checkmark.

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non Xuân Thới Thượng

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1129230

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.171.700.000
Thu sự nghiệp			2.171.700.000
-Nguồn Học phí			450.000.000
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			697.500.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			288.000.000
-Nguồn Thẻ dự nhíp điều mầm non			193.200.000
-Nguồn Anh văn mầm non			224.000.000
-Nguồn Học vẽ			-
-Nguồn kỹ năng sống			-
- Nguồn học hè			204.000.000
- Toán tư duy			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			115.000.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			2.171.700.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.986.834.400
-Nguồn Học phí			265.134.400
-Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			697.500.000
-Nguồn Công phục vụ ăn sáng			288.000.000
-Nguồn Thẻ dự nhíp điều mầm non			193.200.000
-Nguồn Anh văn mầm non			224.000.000
-Nguồn Học vẽ			-
-Nguồn kỹ năng sống			-
- Nguồn học hè			204.000.000
- Toán tư duy			-
-Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			115.000.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			184.865.600
- Nguồn thu học phí (40%)			184.865.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		11.612.957.459
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		11.612.957.459
1. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			11.512.957.459
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	7.579.894.817
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	3.933.062.642
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			36.000.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm Non Mỹ Hòa

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1130499

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.621.425.000
Thu sự nghiệp			2.621.425.000
- Nguồn Học phí			490.500.000
- Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			743.535.000
- Nguồn Công phục vụ ăn sáng			324.000.000
- Nguồn Thẻ dực nhíp điều mằm non			211.200.000
- Nguồn Anh văn mằm non			281.600.000
- Nguồn Học vẽ			176.000.000
- Nguồn kỹ năng sống			-
- Nguồn học hè			272.000.000
- Toán tư duy			-
- Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			122.590.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			2.621.425.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.420.359.400
- Nguồn Học phí			289.434.400
- Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			743.535.000
- Nguồn Công phục vụ ăn sáng			324.000.000
- Nguồn Thẻ dực nhíp điều mằm non			211.200.000
- Nguồn Anh văn mằm non			281.600.000
- Nguồn Học vẽ			176.000.000
- Nguồn kỹ năng sống			-
- Nguồn học hè			272.000.000
- Toán tư duy			-
- Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			122.590.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			-
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			201.065.600
- Nguồn thu học phí (40%)			201.065.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		9.972.723.565
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		9.972.723.565
I. Kinh phí tự chủ sự nghiệp giáo dục			9.872.723.565
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	6.144.340.118
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	3.728.383.447
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			38.376.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Mầm non Cúc Hạ Mi

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1132785

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.163.770.000
Thu sự nghiệp			1.163.770.000
- Nguồn Học phí			164.520.000
- Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			237.150.000
- Nguồn Công phục vụ ăn sáng			107.100.000
- Nguồn Thẻ dục nhịp điệu mầm non			69.300.000
- Nguồn Anh văn mầm non			64.800.000
- Nguồn Học vẽ			69.300.000
- Tổ chức giáo dục Stem			64.800.000
- Nguồn học hè			91.800.000
- Ngoại ngữ với người nước ngoài			162.000.000
- Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			39.100.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			7.500.000
- Công nuôi dưỡng			86.400.000
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			1.163.770.000
1. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.063.864.400
- Nguồn Học phí			64.614.400
- Nguồn Công phục vụ bán trú, vệ sinh bán trú			237.150.000
- Nguồn Công phục vụ ăn sáng			107.100.000
- Nguồn Thẻ dục nhịp điệu mầm non			69.300.000
- Nguồn Anh văn mầm non			64.800.000
- Nguồn Học vẽ			69.300.000
- Tổ chức giáo dục Stem			64.800.000
- Nguồn học hè			91.800.000
- Ngoại ngữ với người nước ngoài			162.000.000
- Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			39.100.000
- Giữ trẻ ngoài giờ (thứ 7)			7.500.000
- Công nuôi dưỡng			86.400.000
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2024 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			99.905.600
- Nguồn thu học phí (40%)			99.905.600
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		4.333.062.558
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		4.333.062.558
1. Kinh phí chủ sự nghiệp giáo dục			4.233.062.558
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		13	2.971.439.891
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.		14	1.261.622.667
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			100.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác		12	100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			-
D. Nguồn CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, Nhu cầu tăng lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.			12.240.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Nguyễn An Ninh

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1044447

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			16.723.334.000
1. Thu sự nghiệp			16.639.000.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			128.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			79.800.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			73.600.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			993.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			720.000.000
Tiền tổ chức học bơi			64.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.920.000.000
Tiền tổ chức học Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học			1.120.000.000
Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"			9.720.000.000
Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			560.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			960.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			300.000.000
2. Thu dịch vụ			84.334.000
Căn tin - Giữ xe			84.334.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ được để lại cho đơn vị theo quy định (cả tiền thuế)			16.723.334.000
1. Chi tại đơn vị			16.639.000.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			128.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			79.800.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			73.600.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			993.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			720.000.000
Tiền tổ chức học bơi			64.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.920.000.000
Tiền tổ chức học Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học			1.120.000.000
Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"			9.720.000.000
Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			560.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			960.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			300.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			84.334.000
Căn tin - Giữ xe			84.334.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		19.735.261.052
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		19.735.261.052
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	11.043.700.408
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	8.591.560.644
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Thới Tam

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1044449

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			6.046.296.000
1. Thu sự nghiệp			5.982.296.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			108.480.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			240.000.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			145.544.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			50.864.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			849.528.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.108.080.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.392.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			828.800.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			259.000.000
2. Thu dịch vụ			64.000.000
Căn tin - Giữ xe			64.000.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			6.046.296.000
1. Chi tại đơn vị			5.982.296.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			108.480.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			240.000.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			145.544.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			50.864.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			849.528.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.108.080.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.392.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			828.800.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			259.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			64.000.000
Căn tin - Giữ xe			64.000.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		17.768.578.032
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		17.768.578.032
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	9.874.009.105
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	7.794.568.927
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ - Kinh phí khen thưởng và chi khác		12	100.000.000 100.000.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Tam Đông

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1044446

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			5.739.080.000
1. Thu sự nghiệp			5.694.080.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			108.800.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			387.600.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			270.480.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			745.200.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			972.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.160.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			800.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			250.000.000
2. Thu dịch vụ			45.000.000
Căn tin - Giữ xe			45.000.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			5.739.080.000
1. Chi tại đơn vị			5.694.080.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			108.800.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			387.600.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			270.480.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			745.200.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			972.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.160.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			800.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			250.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			45.000.000
Căn tin - Giữ xe			45.000.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		14.829.829.357
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		14.829.829.357
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	8.385.992.213
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	6.343.837.144
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Tam Đông 2

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1051124

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phân thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			6.171.200.000
1. Thu sự nghiệp			6.051.200.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			64.400.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.104.000.000
Tiền tổ chức học bơi			196.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			3.200.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.132.800.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			354.000.000
2. Thu dịch vụ			120.000.000
Căn tin - Giữ xe			120.000.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			6.171.200.000
1. Chi tại đơn vị			6.051.200.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			64.400.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.104.000.000
Tiền tổ chức học bơi			196.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			3.200.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.132.800.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			354.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			120.000.000
Căn tin - Giữ xe			120.000.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		21.577.736.067
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		21.577.736.067
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	12.336.665.049
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	9.141.071.018
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị ĐT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Mỹ Huệ

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1051121

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			3.612.440.000
1. Thu sự nghiệp			3.612.440.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			40.640.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			138.184.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			79.672.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			459.264.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			599.040.000
Tiền tổ chức học bơi			264.320.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.464.320.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			432.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			135.000.000
2. Thu dịch vụ			
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			3.612.440.000
1. Chi tại đơn vị			3.612.440.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			40.640.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			138.184.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			79.672.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			459.264.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			599.040.000
Tiền tổ chức học bơi			264.320.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.464.320.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			432.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			135.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		12.047.099.193
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		12.047.099.193
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	6.633.559.093
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	5.313.540.100
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1051123

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.389.790.000
1. Thu sự nghiệp			2.389.790.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			26.560.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			58.880.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			441.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			57.600.000
Tiền tổ chức học bơi			13.750.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài lớp 2 buổi			1.288.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài lớp 1 buổi			41.400.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			352.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			110.000.000
2. Thu dịch vụ			-
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.389.790.000
1. Chi tại đơn vị			2.389.790.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			26.560.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			58.880.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			441.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			57.600.000
Tiền tổ chức học bơi			13.750.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài lớp 2 buổi			1.288.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài lớp 1 buổi			41.400.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			352.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			110.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			-
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		9.830.444.151
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		9.830.444.151
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	5.349.008.591
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	4.381.435.560
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Handwritten signature

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Mỹ Hòa

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1051116

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			6.847.880.000
1. Thu sự nghiệp			6.847.880.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			84.800.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ khối lớp 1,2			111.320.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn khối lớp 2, 5			105.616.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học khối lớp 3, 4			58.144.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			828.000.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.080.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.400.000.000
Tiền tổ chức học Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học			1.172.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			768.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			240.000.000
2. Thu dịch vụ			-
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ được để lại cho đơn vị theo quy định (cả tiền thuế)			6.847.880.000
1. Chi tại đơn vị			6.847.880.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			84.800.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ khối lớp 1,2			111.320.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn khối lớp 2, 5			105.616.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học khối lớp 3, 4			58.144.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			828.000.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.080.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.400.000.000
Tiền tổ chức học Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học			1.172.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			768.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			240.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			-
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		14.899.421.398
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		14.899.421.398
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	8.550.261.611
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	6.249.159.787
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

(Chữ ký)

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Ấp Đình

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1066083

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			5.771.696.000
1. Thu sự nghiệp			5.706.696.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			69.760.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại Ngữ			327.408.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học			172.224.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			768.384.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			983.520.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.196.800.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			905.600.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			283.000.000
2. Thu dịch vụ			65.000.000
Căn tin - Giữ xe			65.000.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			5.771.696.000
1. Chi tại đơn vị			5.706.696.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			69.760.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại Ngữ			327.408.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học			172.224.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			768.384.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			983.520.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.196.800.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			905.600.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			283.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			65.000.000
Căn tin - Giữ xe			65.000.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		16.284.702.121
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		16.284.702.121
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	9.093.315.796
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	7.091.386.325
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Cấp ngân sách: 3
Đơn vị ĐT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo
Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Tân Hiệp
Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1066084
Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			555.720.000
1. Thu sự nghiệp			555.720.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			46.720.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			62.560.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			20.560.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			324.480.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			101.400.000
			-
2. Thu dịch vụ			
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ được để lại cho đơn vị theo quy định (cả tiền thuế)			555.720.000
1. Chi tại đơn vị			555.720.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			46.720.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			62.560.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			20.560.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			324.480.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			101.400.000
			-
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		8.642.616.573
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		8.642.616.573
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	4.715.867.376
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	3.826.749.197
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

[Handwritten signature]

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Cầu Xáng

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1066079

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			2.142.901.000
1. Thu sự nghiệp			2.105.560.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			32.000.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			333.960.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			435.600.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			968.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			256.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			80.000.000
2. Thu dịch vụ			37.341.000
Căn tin - Giữ xe			37.341.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ được để lại cho đơn vị theo quy định (cả tiền thuế)			2.142.901.000
1. Chi tại đơn vị			2.105.560.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			32.000.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			333.960.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			435.600.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			968.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			256.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			80.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			37.341.000
Căn tin - Giữ xe			37.341.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		8.659.588.452
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		8.659.588.452
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	4.751.615.584
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	3.807.972.868
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Tây Bắc Lân

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1070230

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			9.718.700.000
1. Thu sự nghiệp			9.543.600.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			192.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			515.200.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			174.800.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.545.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			2.016.000.000
Tiền tổ chức học bơi			32.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.464.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.984.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			620.000.000
2. Thu dịch vụ			175.100.000
Căn tin - Giữ xe			175.100.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ được để lại cho đơn vị theo quy định (cả tiền thuế)			9.718.700.000
1. Chi tại đơn vị			9.543.600.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			192.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			515.200.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			174.800.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.545.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			2.016.000.000
Tiền tổ chức học bơi			32.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.464.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.984.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			620.000.000
2. Chi nộp Ngân sách Nhà nước			175.100.000
Căn tin - Giữ xe			175.100.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		26.963.851.653
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		26.963.851.653
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	15.731.709.146
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	11.132.142.507
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Lý Chính Thắng 2

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1070223

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phân thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			4.388.444.000
1. Thu sự nghiệp			4.350.944.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			87.680.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			246.240.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			80.224.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			607.200.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			792.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.012.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần bổ trợ			853.600.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			512.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			160.000.000
2. Thu dịch vụ			37.500.000
Căn tin - Giữ xe			37.500.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ được để lại cho đơn vị theo quy định (cả tiền thuế)			4.388.444.000
1. Chi tại đơn vị			4.350.944.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			87.680.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			246.240.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			80.224.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			607.200.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			792.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.012.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần bổ trợ			853.600.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			512.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			160.000.000
2. Chi nộp ngân sách nhà nước			37.500.000
Căn tin - Giữ xe			37.500.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		15.005.567.197
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		15.005.567.197
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	8.366.196.585
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	6.539.370.612
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Cấp ngân sách: 3
Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo
Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Nhị Tân
Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1070224
Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phân thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			3.689.760.000
1. Thu sự nghiệp			3.689.760.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			39.040.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn khối 1			18.480.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn khối 2 + khối 5			71.760.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			524.400.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			666.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.556.640.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần bổ trợ			288.800.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			464.640.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			60.000.000
2. Thu dịch vụ			-
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ được để lại cho đơn vị theo quy định (cả tiền thuế)			3.689.760.000
1. Chi tại đơn vị			3.689.760.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			39.040.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn khối 1			18.480.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn khối 2 + khối 5			71.760.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			524.400.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			666.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.556.640.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần bổ trợ			288.800.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			464.640.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			60.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			-
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		8.507.515.209
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		8.507.515.209
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	4.776.275.884
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	3.631.239.325
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Cấp ngân sách: 3
Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo
Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Ngã Ba Giồng
Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1012081
Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phân thu chi các hoạt động			8.503.304.000
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			8.413.304.000
1. Thu sự nghiệp			183.360.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			125.216.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			224.160.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			1.216.608.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.541.520.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			159.360.000
Tiền tổ chức học bơi			3.436.800.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.162.880.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			363.400.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			90.000.000
2. Thu dịch vụ			90.000.000
Căn tin - Giữ xe			8.503.304.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			8.413.304.000
1. Chi tại đơn vị			183.360.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			125.216.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			224.160.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			1.216.608.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.541.520.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			159.360.000
Tiền tổ chức học bơi			3.436.800.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.162.880.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			363.400.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			90.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			90.000.000
Căn tin - Giữ xe			18.621.113.440
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		18.621.113.440
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		18.621.113.440
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	10.861.931.376
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	7.659.182.064
3. Kinh phí không thường xuyên không giao tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

[Handwritten signature]

Cấp ngân sách: 3
Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo
Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1012073

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			5.175.240.000
1. Thu sự nghiệp			5.175.240.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			144.000.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			41.400.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.225.440.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.042.400.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.312.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			410.000.000
			-
2. Thu dịch vụ			5.175.240.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			5.175.240.000
1. Chi tại đơn vị			5.175.240.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			144.000.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			41.400.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.225.440.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.042.400.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.312.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			410.000.000
			-
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			24.198.089.853
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		24.198.089.853
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		24.198.089.853
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	13.533.385.237
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	10.564.704.616
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Handwritten signature

Cấp ngân sách: 3
Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo
Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Thới Thạnh
Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1012132
Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			6.077.600.000
1. Thu sự nghiệp			6.077.600.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			32.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			176.000.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			73.600.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			772.800.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			936.000.000
Tiền tổ chức học bơi			384.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.240.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần bổ trợ			304.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			883.200.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			276.000.000
2. Thu dịch vụ			-
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			6.077.600.000
1. Chi tại đơn vị			6.077.600.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			32.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			176.000.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			73.600.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			772.800.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			936.000.000
Tiền tổ chức học bơi			384.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.240.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần bổ trợ			304.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			883.200.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			276.000.000
2. Chi nộp Ngân sách Nhà nước			-
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		12.458.035.318
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		12.458.035.318
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	7.404.306.528
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	4.953.728.790
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Handwritten signature

Cấp ngân sách: 3
Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo
Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Dương Công Khi
Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1012134
Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			5.323.400.000
1. Thu sự nghiệp			5.243.400.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			128.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			171.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			36.800.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			717.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			360.000.000
Tiền tổ chức học bơi			48.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.480.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			992.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			310.000.000
2. Thu dịch vụ			80.000.000
Căn tin - Giữ xe			80.000.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			5.323.400.000
1. Chi tại đơn vị			5.243.400.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			128.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			171.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			36.800.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			717.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			360.000.000
Tiền tổ chức học bơi			48.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.480.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			992.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			310.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			80.000.000
Căn tin - Giữ xe			80.000.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		20.875.261.570
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		20.875.261.570
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	11.872.886.099
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	8.902.375.471
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

[Handwritten signature]

Cấp ngân sách: 3
Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo
Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Võ Văn Thặng
Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1072948
Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			6.078.776.000
1. Thu sự nghiệp			6.038.276.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			138.880.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn lớp 2			36.340.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn lớp 5			79.856.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			883.200.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.080.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.560.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			960.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			300.000.000
2. Thu dịch vụ			40.500.000
Căn tin - Giữ xe			40.500.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			6.078.776.000
1. Chi tại đơn vị			6.038.276.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			138.880.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn lớp 2			36.340.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn lớp 5			79.856.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			883.200.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.080.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.560.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			960.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			300.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			40.500.000
Căn tin - Giữ xe			40.500.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		15.126.158.388
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		15.126.158.388
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	8.672.873.487
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	6.353.284.901
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Handwritten signature

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1072950

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			10.393.840.000
1. Thu sự nghiệp			10.323.840.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			144.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			235.200.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			174.800.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.335.840.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.548.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			3.440.000.000
Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"			864.000.000
Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			440.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.632.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			510.000.000
2. Thu dịch vụ			70.000.000
Căn tin - Giữ xe			70.000.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			10.393.840.000
1. Chi tại đơn vị			10.323.840.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			144.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			235.200.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			174.800.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.335.840.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.548.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			3.440.000.000
Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"			864.000.000
Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			440.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.632.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			510.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			70.000.000
Căn tin - Giữ xe			70.000.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		23.576.619.370
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		23.576.619.370
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	13.777.436.902
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	9.699.182.468
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Cấp ngân sách: 3
Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo
Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Trương Văn Ngải

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1072943

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			4.173.416.000
1. Thu sự nghiệp			4.123.416.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			93.120.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			302.400.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			129.840.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			719.256.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			905.760.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.069.200.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			688.640.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			215.200.000
2. Thu dịch vụ			50.000.000
Căn tin - Giữ xe			50.000.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			4.173.416.000
1. Chi tại đơn vị			4.123.416.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			93.120.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			302.400.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			129.840.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			719.256.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			905.760.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.069.200.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			688.640.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			215.200.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			50.000.000
Căn tin - Giữ xe			50.000.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		15.423.706.459
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		15.423.706.459
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	8.339.557.460
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	6.984.148.999
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Handwritten signature and blue checkmark.

Cấp ngân sách: 3
Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo
Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Nhị Xuân
Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1072944
Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			5.170.480.000
1. Thu sự nghiệp			5.170.480.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			76.800.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			22.080.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			717.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			828.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.392.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			864.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			270.000.000
2. Thu dịch vụ			-
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			5.170.480.000
1. Chi tại đơn vị			5.170.480.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			76.800.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			22.080.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			717.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			828.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.392.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			864.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			270.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			-
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		13.936.364.002
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		13.936.364.002
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	7.979.828.606
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	5.856.535.396
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

[Handwritten signature]

Cấp ngân sách: 3
Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo
Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1072938

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			3.959.600.000
1. Thu sự nghiệp			3.831.600.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			993.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			216.000.000
Tiền tổ chức học bơi			54.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần bổ trợ			1.224.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.024.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			320.000.000
2. Thu dịch vụ			128.000.000
Căn tin - Giữ xe			128.000.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			3.959.600.000
1. Chi tại đơn vị			3.831.600.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			993.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			216.000.000
Tiền tổ chức học bơi			54.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần bổ trợ			1.224.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.024.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			320.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			128.000.000
Căn tin - Giữ xe			128.000.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		21.743.733.042
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		21.743.733.042
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	12.618.194.732
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	9.025.538.310
3. Kinh phí không thường xuyên không giao tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

[Handwritten signature]

Cấp ngân sách: 3
Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo
Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Tân Xuân
Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 10818350
Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			4.526.256.000
1. Thu sự nghiệp			4.526.256.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			64.320.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			65.136.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			634.800.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			828.000.000
Tiền tổ chức học bơi			128.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.840.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			736.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			230.000.000
2. Thu dịch vụ			-
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			4.526.256.000
1. Chi tại đơn vị			4.526.256.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			64.320.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			65.136.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			634.800.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			828.000.000
Tiền tổ chức học bơi			128.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.840.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			736.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			230.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			-
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		16.069.886.216
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		16.069.886.216
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	9.314.597.390
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	6.655.288.826
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Handwritten signature in blue ink.

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Trần Văn Mười

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1037371

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			5.413.900.000
1. Thu sự nghiệp			5.326.400.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			128.000.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			165.600.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			772.800.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			936.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.496.000.000
Tiền tổ chức học Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học			400.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.088.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			340.000.000
2. Thu dịch vụ			87.500.000
Căn tin - Giữ xe			87.500.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			5.413.900.000
1. Chi tại đơn vị			5.326.400.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			128.000.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			165.600.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			772.800.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			936.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.496.000.000
Tiền tổ chức học Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học			400.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.088.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			340.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			87.500.000
Căn tin - Giữ xe			87.500.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		19.202.022.839
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		19.202.022.839
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	11.190.306.986
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	7.911.715.853
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Cấp ngân sách: 3
Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo
Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Trần Văn Danh

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1086070

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			8.765.400.000
1. Thu sự nghiệp			8.685.400.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			208.000.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			59.800.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.269.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.656.000.000
Tiền tổ chức học bơi			48.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			3.680.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.344.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			420.000.000
2. Thu dịch vụ			80.000.000
Căn tin - Giữ xe			80.000.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			8.765.400.000
1. Chi tại đơn vị			8.685.400.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			208.000.000
Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			59.800.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.269.600.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.656.000.000
Tiền tổ chức học bơi			48.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			3.680.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.344.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			420.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			80.000.000
Căn tin - Giữ xe			80.000.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		20.931.144.062
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		20.931.144.062
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	12.050.738.349
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	8.780.405.713
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1120756

Mã kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ - UBND - TCKH ngày 25/12/2023 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị : đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu chi các hoạt động			
I. Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			12.660.800.000
1. Thu sự nghiệp			12.620.800.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			64.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			91.200.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			73.600.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			552.000.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			720.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.760.000.000
Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"			8.100.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			960.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			300.000.000
2. Thu dịch vụ			40.000.000
Căn tin - Giữ xe			40.000.000
II. Tổng chi từ thu sự nghiệp và thu dịch vụ			12.660.800.000
1. Chi tại đơn vị			12.620.800.000
Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 5			64.000.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			91.200.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			73.600.000
Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			552.000.000
Tiền tổ chức giáo dục Stem			720.000.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.760.000.000
Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"			8.100.000.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			960.000.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			300.000.000
2. Chi nộp Ngân sách nhà nước			40.000.000
Căn tin - Giữ xe			40.000.000
B/ Dự toán chi ngân sách Nhà nước :	622,070		16.269.798.687
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,072		16.269.798.687
1. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		13	9.591.939.504
2. Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành phố, Nhu cầu tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ		14	6.577.859.183
3. Kinh phí không thường xuyên không tự chủ		12	100.000.000
- Kinh phí khen thưởng và chi khác			100.000.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Nguyễn An Khương

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1035852

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phản thu tại đơn vị			23.267.904.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày			194.304.000
2	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			147.840.000
3	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"			8.553.600.000
4	Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế"			13.214.520.000
5	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			833.040.000
6	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			231.400.000
7	Căn tin			93.200.000
B	Phản chi từ nguồn thu tại đơn vị			23.267.904.000
B1	Phản chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			23.174.704.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày			194.304.000
2	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			147.840.000
3	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"			8.553.600.000
4	Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế"			13.214.520.000
5	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			833.040.000
6	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			231.400.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			93.200.000
1	Căn tin			93.200.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		21.447.259.758
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		21.447.259.758
1	I. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			21.347.259.758
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	11.419.283.336
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	9.927.976.422
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000
D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ			481.320.000

(Chữ ký)

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị ĐT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Thị Trấn

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1035853

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phản thu tại đơn vị			2.205.063.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp 6,7,8,9			626.130.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			31.050.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			386.883.000
4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			720.000.000
5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			351.000.000
6	Căn tin - giữ xe			90.000.000
B	Phản chi từ nguồn thu tại đơn vị			2.205.063.000
B1	Phản chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			2.115.063.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày			626.130.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			31.050.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			386.883.000
4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			720.000.000
5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			351.000.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			90.000.000
1	Căn tin - giữ xe			90.000.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		8.054.487.142
1	I. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			7.954.487.142
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	4.370.105.863
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	3.584.381.279
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000

D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ			278.280.000
----------	---	--	--	--------------------

[Signature]

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị ĐT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Tam Đông 1

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1035854

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phần thu tại đơn vị			4.800.976.000
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.213.296.000
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.370.880.000
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			470.400.000
4	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.646.400.000
5	Căn tin			50.000.000
6	Giữ xe			50.000.000
B	Phần chi từ nguồn thu tại đơn vị			4.800.976.000
B1	Phần chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			4.700.976.000
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.213.296.000
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.841.280.000
3	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.646.400.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			100.000.000
1	Căn tin			50.000.000
2	Giữ xe			50.000.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		20.611.805.889
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		20.611.805.889
1	1. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			20.511.805.889
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	11.481.167.680
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	9.030.638.209
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000

D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	709.920.000
----------	---	--------------------

(Chữ ký)

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Lý Chính Thắng 1

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1035850

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phản thu tại đơn vị			6.976.872.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp			676.800.000
2	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			94.800.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			947.232.000
4	Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.161.600.000
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.439.360.000
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.251.600.000
7	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			228.480.000
8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			71.400.000
9	Căn tin - giữ xe			105.600.000
B	Phản chi từ nguồn thu tại đơn vị			6.976.872.000
B1	Phản chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			6.871.272.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp			676.800.000
2	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			94.800.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			947.232.000
4	Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.161.600.000
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.439.360.000
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.251.600.000
7	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			228.480.000
8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			71.400.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			105.600.000
1	Căn tin - giữ xe			105.600.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		20.029.863.477
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		20.029.863.477
1	1. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			19.929.863.477
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	10.972.441.869
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	8.957.421.608
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000

D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí căn chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622.080.000
----------	---	--------------------

Handwritten signature in blue ink.

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị ĐT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Trung Mỹ Tây 1

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1035848

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phân thu tại đơn vị			5.741.400.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp			745.200.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			224.000.000
3	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			372.600.000
4	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			993.600.000
5	Tiền tổ chức học bơi			270.000.000
6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.120.000.000
7	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.080.000.000
8	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			576.000.000
9	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			180.000.000
10	Căn tin			120.000.000
11	Giữ xe			60.000.000
B	Phân chi từ nguồn thu tại đơn vị			5.741.400.000
B1	Phân chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			5.561.400.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp			745.200.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			224.000.000
3	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			372.600.000
4	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			993.600.000
5	Tiền tổ chức học bơi			270.000.000
6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.120.000.000
7	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.080.000.000
8	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			576.000.000
9	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			180.000.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			180.000.000
1	Căn tin			120.000.000
2	Giữ xe			60.000.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		27.733.478.429
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		27.733.478.429
1	1. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			27.633.478.429
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	15.667.846.134
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	11.965.632.295
2	2. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000

D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	1.008.000.000
----------	---	----------------------

(Chữ ký)

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Đông Thạnh

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1035849

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phân thu tại đơn vị			7.483.391.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày			2.322.540.000
2	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn (khối 9)			122.751.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			706.560.000
4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.854.720.000
5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.288.960.000
6	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			794.880.000
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			187.680.000
8	Căn tin			172.000.000
9	Giữ xe			33.300.000
B	Phân chi từ nguồn thu tại đơn vị			7.483.391.000
B1	Phân chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			7.278.091.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày			2.322.540.000
2	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn (khối 9)			122.751.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			706.560.000
4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.854.720.000
5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.288.960.000
6	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			794.880.000
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			187.680.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			205.300.000
1	Căn tin			172.000.000
2	Giữ xe			33.300.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		29.530.237.484
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		29.530.237.484
1	I. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			29.430.237.484
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	16.727.251.735
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	12.702.985.749
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000

D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	1.044.000.000
----------	---	----------------------



Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QĐH với NS:1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Nguyễn Hồng Đào

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1035851

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phần thu tại đơn vị			7.051.036.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp			1.179.900.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			216.936.000
3	Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.491.200.000
4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.698.400.000
5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.398.000.000
6	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			745.600.000
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			233.000.000
8	Căn tin - giữ xe			88.000.000
B	Phần chi từ nguồn thu tại đơn vị			7.051.036.000
B1	Phần chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			6.963.036.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp			1.179.900.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			216.936.000
3	Tiền tổ chức giáo dục Stem			1.491.200.000
4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.698.400.000
5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.398.000.000
6	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			745.600.000
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			233.000.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			88.000.000
1	Căn tin - giữ xe			88.000.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		21.699.554.837
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		21.699.554.837
1	1. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			21.599.554.837
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	12.318.950.038
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	9.280.604.799
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000

D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	792.000.000
----------	---	--------------------

(Chữ ký)



Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Đặng Công Bình

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1035847

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phân thu tại đơn vị			5.101.400.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày			1.053.000.000
2	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			70.380.000
3	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			198.720.000
4	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			807.300.000
5	Tiền tổ chức học bơi			260.000.000
6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			792.000.000
7	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.152.000.000
8	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			504.000.000
9	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			140.000.000
10	Căn tin			94.000.000
11	Giữ xe			30.000.000
B	Phân chi từ nguồn thu tại đơn vị			5.101.400.000
B1	Phân chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			4.977.400.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày			1.053.000.000
2	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			70.380.000
3	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			198.720.000
4	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			807.300.000
5	Tiền tổ chức học bơi			260.000.000
6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			792.000.000
7	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.152.000.000
8	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			504.000.000
9	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			140.000.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			124.000.000
1	Căn tin			94.000.000
2	Giữ xe			30.000.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		16.222.936.336
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		16.222.936.336
1	I. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			16.122.936.336
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	9.226.237.384
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	6.896.698.952
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000

D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	468.000.000
----------	---	--------------------

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Phan Công Hồn

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1035774

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phần thu tại đơn vị			2.578.850.000
1	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			776.400.000
2	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.397.250.000
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			160.200.000
4	Căn tin			210.000.000
5	Giữ xe			35.000.000
B	Phần chi từ nguồn thu tại đơn vị			2.578.850.000
B1	Phần chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			2.333.850.000
1	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			776.400.000
2	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.397.250.000
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			160.200.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			245.000.000
1	Căn tin			210.000.000
2	Giữ xe			35.000.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		24.300.701.038
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		24.300.701.038
1	I. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			24.200.701.038
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	13.470.502.435
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	10.730.198.603
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000
D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ			848.220.000

[Handwritten signature]

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Đỗ Văn Dậy

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1035773

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phần thu tại đơn vị			6.606.856.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp			1.420.560.000
2	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.089.096.000
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.425.600.000
4	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.680.000.000
5	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			684.800.000
6	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			214.000.000
7	Căn tin			56.000.000
8	Giữ xe			36.800.000
B	Phần chi từ nguồn thu tại đơn vị			6.606.856.000
B1	Phần chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			6.514.056.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày các khối lớp			1.420.560.000
2	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.089.096.000
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.425.600.000
4	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.680.000.000
5	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			684.800.000
6	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			214.000.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			92.800.000
1	Căn tin			56.000.000
2	Giữ xe			36.800.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		17.126.994.280
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		17.126.994.280
1	I. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			17.026.994.280
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	9.625.847.027
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	7.401.147.253
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000
D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ			648.000.000

Handwritten signature and blue ink mark.

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Tân Xuân

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1035775

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phân thu tại đơn vị			6.148.000.000
1	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			126.000.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			40.000.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			320.000.000
4	Tiền tổ chức giáo dục Stem			400.000.000
5	Tiền tổ chức học bơi			180.000.000
6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			4.032.000.000
7	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			600.000.000
8	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			280.000.000
9	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			65.000.000
10	Căn tin			105.000.000
B	Phân chi từ nguồn thu tại đơn vị			6.148.000.000
B1	Phân chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			6.043.000.000
1	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			126.000.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			40.000.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			320.000.000
4	Tiền tổ chức giáo dục Stem			400.000.000
5	Tiền tổ chức học bơi			180.000.000
6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			4.032.000.000
7	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			600.000.000
8	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			280.000.000
9	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			65.000.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			105.000.000
1	Căn tin			105.000.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		22.758.592.595
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		22.758.592.595
1	1. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			22.658.592.595
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	12.679.646.475
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	9.978.946.120
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000

D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ			900.000.000
----------	---	--	--	--------------------

(Chữ ký)

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Xuân Thới Thượng

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1035771

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phần thu tại đơn vị			7.614.168.000
1	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			242.397.000
2	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ			689.400.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.767.987.000
4	Tiền tổ chức học bơi			683.280.000
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.638.000.000
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			2.353.104.000
7	Căn tin			200.000.000
8	Giữ xe			40.000.000
B	Phần chi từ nguồn thu tại đơn vị			7.614.168.000
B1	Phần chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			7.374.168.000
1	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			242.397.000
2	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ			689.400.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			1.767.987.000
4	Tiền tổ chức học bơi			683.280.000
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.638.000.000
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			2.353.104.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			240.000.000
1	Căn tin			200.000.000
2	Giữ xe			40.000.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		28.153.622.402
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		28.153.622.402
1	1. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			28.053.622.402
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	15.958.418.142
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	12.095.204.260
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000

D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	1.028.520.000
----------	---	----------------------

(Chữ ký)

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Tô Ký

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1114902

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phản thu tại đơn vị			2.913.700.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày khối lớp 9			414.000.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			108.000.000
3	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			103.500.000
4	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			336.000.000
5	Tiền tổ chức học bơi			676.200.000
6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			528.000.000
7	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			560.000.000
8	Căn tin			156.000.000
9	Giữ xe			32.000.000
B	Phản chi từ nguồn thu tại đơn vị			2.913.700.000
B1	Phản chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			2.725.700.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày khối lớp 9			414.000.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			108.000.000
3	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học			103.500.000
4	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			336.000.000
5	Tiền tổ chức học bơi			676.200.000
6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			528.000.000
7	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			560.000.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			188.000.000
1	Căn tin			156.000.000
2	Giữ xe			32.000.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		26.271.787.079
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		26.271.787.079
1	I. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			26.171.787.079
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	14.694.661.691
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	11.477.125.388
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000

D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	1.082.520.000
----------	---	----------------------

[Signature]

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp-trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044



GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Nguyễn Văn Bứa

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1129253

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phân thu tại đơn vị			7.962.370.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày			1.841.130.000
2	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ			472.500.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			621.000.000
4	Tiền tổ chức học bơi			756.000.000
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.863.000.000
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			786.240.000
7	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.147.500.000
8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			340.000.000
9	Căn tin - giữ xe			135.000.000
B	Phân chi từ nguồn thu tại đơn vị			7.962.370.000
B1	Phân chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			7.827.370.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày			1.841.130.000
2	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ			472.500.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			621.000.000
4	Tiền tổ chức học bơi			756.000.000
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.863.000.000
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			786.240.000
7	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			1.147.500.000
8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			340.000.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			135.000.000
1	Căn tin - giữ xe			135.000.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		17.081.599.384
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		17.081.599.384
1	I. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			16.981.599.384
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	10.196.613.797
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	6.784.985.587
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000
D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ			903.276.000

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DL cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Đặng Thúc Vịnh

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1130533

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phân thu tại đơn vị			4.114.960.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày			810.000.000
2	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			34.960.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			386.400.000
4	Tiền tổ chức học bơi			93.100.000
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.120.000.000
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			822.500.000
7	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			560.000.000
8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			200.000.000
9	Căn tin - giữ xe			88.000.000
B	Phân chi từ nguồn thu tại đơn vị			4.114.960.000
B1	Phân chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			4.026.960.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày			810.000.000
2	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn			34.960.000
3	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			386.400.000
4	Tiền tổ chức học bơi			93.100.000
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.120.000.000
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			822.500.000
7	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			560.000.000
8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			200.000.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			88.000.000
1	Căn tin - giữ xe			88.000.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		14.549.456.674
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		14.549.456.674
1	I. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			14.449.456.674
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	8.691.910.106
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	5.757.546.568
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000

D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ			837.360.000
----------	---	--	--	--------------------

(Chữ ký)

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS: 1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Bùi Văn Thủ

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1131337

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phân thu tại đơn vị			8.263.180.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày			1.377.000.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			49.680.000
3	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ			180.000.000
4	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			931.500.000
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.700.000.000
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.785.000.000
7	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			900.000.000
8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			250.000.000
9	Căn tin			45.000.000
10	Giữ xe			45.000.000
B	Phân chi từ nguồn thu tại đơn vị			8.263.180.000
B1	Phân chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			8.173.180.000
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày			1.377.000.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ			49.680.000
3	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ			180.000.000
4	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống			931.500.000
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			2.700.000.000
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			1.785.000.000
7	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú			900.000.000
8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			250.000.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			90.000.000
1	Căn tin			45.000.000
2	Giữ xe			45.000.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		10.944.003.594
	Giáo dục trung học cơ sở	622,073		10.944.003.594
1	I. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			10.844.003.594
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,073	13	6.489.621.308
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,073	14	4.354.382.286
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,073	12	100.000.000

D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	733.680.000
----------	---	--------------------

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1128388

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phần thu tại đơn vị			4.678.832.000
1	Thu học phí			903.960.000
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.246.400.000
3	Tiền tổ chức dạy bổ sung kiến thức tại các cơ sở giáo dục thường xuyên			2.393.472.000
4	Căn tin			81.000.000
5	Giữ xe			54.000.000
B	Phần chi từ nguồn thu tại đơn vị			4.678.832.000
B1	Phần chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi theo quyết định			4.182.248.000
1	Thu học phí			542.376.000
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài			1.246.400.000
3	Tiền tổ chức dạy bổ sung kiến thức tại các cơ sở giáo dục thường xuyên			2.393.472.000
B2	Chi nộp ngân sách nhà nước			135.000.000
1	Căn tin			81.000.000
2	Giữ xe			54.000.000
B3	Học phí trích 40% CCTL cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ			361.584.000
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		9.708.430.673
	Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	622,075		9.708.430.673
1	1. Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí tự chủ)			9.608.430.673
1.1	- Kinh phí chi thường xuyên	622,075	13	5.624.824.485
1.2	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; chi tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	622,075	14	3.983.606.188
2	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			100.000.000
2.1	- Kinh phí chi thường xuyên khác	622,075	12	100.000.000

D	40% CCTL ngân sách cấp bù học phí cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023; nhu cầu tăng lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ			361.584.000
---	---	--	--	--------------------

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Phòng Giáo dục và Đào tạo

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1006692

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 9102/QĐ-UBND-TCKH ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A	Phần thu			0
B	Phần chi			0
C	Dự toán chi NSNN sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	622,070		4.000.000.000
	Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác	622,098		4.000.000.000
1	Kinh phí chi thường xuyên (kinh phí không tự chủ)			4.000.000.000
1.1	- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên khác	622,098	12	4.000.000.000

[Handwritten signature]